

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 10/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Báu.

Ông Thiên Anh Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/ TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/HSST-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. THIÊN SANH TR, sinh năm: 1982 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Islam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thiên Sanh H và bà Bá Thị Mỹ H; có vợ và 01 con; tiền án: Ngày 28/6/2002 bị Toà án nhân dân huyện Ph tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Ngày 15/4/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Ph tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2007; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 10/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. NÃO PHƯỚC TÀI Đ, sinh năm: 1982 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 2, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nảo Văn S và bà Báo Thị N; có vợ và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 09/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. NGUYỄN VĂN T, sinh năm: 1996 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 1, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn

hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M và bà Sầm Thị Tr; vợ (Chưa đăng ký kết hôn) và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 09/8/2019 đến ngày 25/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. (Có mặt)

4. BÁO VĂN D, sinh năm: 1992 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Báo T và bà Thiên Thị Nh; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/7/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tuyên phạt 3 năm 6 tháng tù giam về tội cướp tài sản, ngày 18/5/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2016; bắt tạm giam ngày 09/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

5. LÊ VĂN T (Đen), sinh năm: 1989 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn S 1, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Phạm Thị B; có vợ và 02 con; tiền án: Ngày 02/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Tổ chức đánh bạc”; tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 11/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

6. BẠCH TUẤN TH, sinh năm: 2000 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Thanh Ngh và bà Lưu Thị M; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

7. KIỀU VĂN T, sinh năm: 1985 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn D (Chết) và bà Trương Thị D (Chết); có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

8. KIỀU TRUNG H, sinh năm: 1991 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Đ (Chết) và bà Đạt Thị Ng; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày về tội trộm cắp tài sản. Ngày 31/10/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 22/5/2014; bắt tạm giam ngày 03/10/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

9. NGUYỄN VĂN V, sinh năm: 1995 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (Chết) và bà Thị C; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, ngày 07/9/2014 chấp hành xong hình phạt tù; bắt tạm giam ngày 04/10/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

10. BÁO VĂN T, sinh năm: 1991 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn Q 3, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Báo Văn D và bà Bạch Thị Q; vợ, con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

11. TRƯƠNG THÀNH V, sinh năm: 1990 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương V và bà Chế Thị Dĩ V; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

12. CHÂU VĂN TH, sinh năm: 1996 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Bà Ni; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Nh và bà Kiều Thị Ngọc Nh; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam ngày 09/8/2019 đến ngày 02/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. (Có mặt)

13. KIỀU TÂN TR, sinh năm: 1976 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 8, thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều H (Chết) và bà Mai Thị M; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam ngày 11/8/2019 đến ngày 14/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. (Có mặt)

14. VÕ DUY T, sinh năm: 1992 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: Khu phố 14, thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Th và bà Nguyễn Thị Xuân Th; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bắt tạm giam ngày 11/8/2019 đến ngày 14/10/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại. (Có mặt)

15. NÃO NGỌC CH, sinh năm: 1973 tại tỉnh Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn V 1, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Islam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nảo Văn D và bà Đảng Ngọc Thị Ng; có vợ và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thanh Th, Luật sư Văn phòng luật sư Thanh Thủy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận bào chữa cho Kiều Tân Tr. (Có mặt)

Bị hại:

1. Anh Kiều Quốc S, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn V 1, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. Chị Bá Thị Kim Th, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn V 1, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

3. Ông Châu L, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn Th, xã H, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

4. Anh Thọ Văn Th, sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

5. Anh Đạt Trung D, sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn V 2, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

6. Ông Sử Trung Đ, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

7. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1968 ; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

8. Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952; nơi cư trú: Thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

10. Anh Huỳnh A, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Thôn Th, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

11. Anh Phan Văn S, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn S 2, xã D, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

12. Anh Kiều Minh Đ, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Thôn V 2, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

13. Ông Trịnh Văn Ch, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Thôn L 3, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Cháu Nguyễn Thành Nh, sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn N (Cha ruột của Nguyễn Thành Nh), sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn V 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Báo Văn D, Nguyễn Văn T, Châu Văn Th, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Bạch Tuấn Th, Báo Văn T, Kiều Văn T, Trương Thành V và Nguyễn Thành Nh (Sinh ngày 19/10/2003, trú tại thôn V 3,

xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.) là bạn của nhau, không có việc làm ổn định, cả nhóm bàn bạc thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài.

Lê Văn T (Đen) làm nghề nông và mua bán cừu quen biết và thu mua cừu chung với Võ Duy T, trú tại khu phố 14, thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận. Khoảng tháng 5/2019, Tr gặp T, bàn bạc và đặt vấn đề hỏi T có “Mua cừu ban đêm không”, biết rõ “Cừu ban đêm” là cừu trộm cắp nhưng T vẫn đồng ý mua và dặn khi nào có cừu thì gọi để T thu mua.

Khoảng tháng 06/2019, Nãi Phước Tài Đ đến nhà đặt vấn đề mua bán dê, cừu thì được Kiều Tân Tr đồng ý và cho số điện thoại liên lạc. Sau đó, nhóm Tr, Đ nhiều lần liên lạc bán cừu cho Tr vào ban đêm, Tr biết rõ cừu do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn mua; Nãi Ngọc Ch (Mách) làm nghề mua bán cừu, dê, Ch biết cừu, dê do nhóm Đ bán là trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên vẫn mua.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến ngày 06/8/2019, Thiên Sanh Tr nhiều lần thuê xe ô tô loại Toyota Vios biển kiểm soát 85A-011.04 của anh Huỳnh Ngọc D sinh năm 1974 trú tại khu phố 5, phường Th, thành phố P và xe ô tô loại Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 của anh Phạm Trọng H sinh năm 1973 trú tại khu phố 2, phường Th, thành phố P; Nãi Phước Tài Đ, Báo Văn D, Nguyễn Văn T chuẩn bị kìm, băng keo, dây buộc cùng các đồng phạm thực hiện 16 lần trộm cắp tài sản Cừu, Dê đem bán cho Võ Duy T, Kiều Tân Tr và Nãi Ngọc Ch. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng giữa tháng 6/2019, Thiên Sanh Tr thuê xe ô tô loại Toyota Vios BKS: 85A-011.04 chở Kiều Trung H lên rẫy của Nãi Phước Tài Đ ở khu vực Suối Mát thuộc Thôn 3, xã Nh. Tại đây, Đ, Tr và H bàn bạc tối đi bắt trộm cừu tại rẫy của anh Kiều Quốc S ở thôn V 1, xã N, huyện T gần rẫy của Đ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe máy loại Exciter màu trắng-đen (Không rõ biển kiểm soát) của Đ chở H lên rẫy anh S bắt trộm cừu, Tr điều khiển xe ô tô ra quốc lộ 1A đoạn ngã ba xã N chờ. Đ và H vào chuồng cừu của anh S bắt trộm được 03 con cừu cái nặng 25kg/01 con, dùng dây vải, dây ni lon mang theo buộc chân cừu rồi dùng xe máy chở cừu trộm được ra đường N đi H, Đ gọi điện thoại cho Tr điều khiển xe ô tô đến chở cừu trộm được đi bán. Do đã thỏa thuận từ trước, khi Tr liên lạc với T mua bán Cừu trộm được thì T kêu Tr chở đến nhà Võ Duy T ở tỉnh lộ 703 (Khu phố 14, Thị trấn D) thu mua bán 03 con cừu với giá 3.800.000 đồng. Tr, Đ, H chia nhau mỗi người 800.000 đồng, còn lại 1.400.000 đồng tiêu xài chung. Đến sáng, T mang số cừu trên làm thịt bán lẻ, thu lợi được 600.000đồng, chia cho Lê Văn T 300.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 03 con cừu cái nặng 25 kg/01 con bị thiệt hại là 5.625.000đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 18/6/2019 Đ, Kiều Văn T, Trương Thành V và Báo Văn T rủ Tr bàn nhau đi trộm cừu bán. Tối biết chuồng cừu của chị Bá Thị Kim Th ở thôn Q 1, xã M, huyện T nên điều khiển xe máy BKS:

85R7-8737 của T dẫn đường, Đ điều khiển xe máy loại Exciter màu trắng-đen (Không rõ biển kiểm soát) của Đ chở T, Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 85A-011.04 chở V đi theo đến khu rẫy phía sau Nhà máy muối BIM thuộc thôn Q 1, xã M, huyện T, Tr dừng xe cho V đi xe máy cùng T, Đ, T vào rẫy chị Th, riêng Tr điều khiển xe ô tô đến chỗ khác chờ. Khi đến bãi đất trống cách quốc lộ 1A khoảng 1,6km, cách chuồng cừ chị Th khoảng 0,5km, cả nhóm dừng xe máy, V ở lại trông giữ xe, Đ, T, T đi bộ đến chuồng cừ bắt trộm được 06 con cừ cái nặng 25kg/con và 02 con cừ đực nặng 20kg/con, dùng dây buộc chân cừ rồi ba người vác cừ ra nơi để xe máy, Đ gọi điện thoại cho Tr điều khiển xe ô tô đến cùng T chở cừ đi bán. Tr gọi điện cho Lê Văn T thống nhất chở Cừ đến nhà Võ Duy T bán 08 con cừ với giá 10.500.000 đồng; Tr, Đ, T, T, V chia nhau mỗi người 1.800.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng tiêu xài chung. Đến sáng, Võ Duy T mang số cừ trên làm thịt bán, thu lợi được 1.600.000 đồng, chia cho Lê Văn T 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 06 con cừ cái nặng 25 kg/01 con, 02 con cừ đực nặng 20 kg/01con bị thiệt hại là 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 25/6/2019, Tr, Đ rủ Nguyễn Văn T cùng đi trộm cừ. Tr điều khiển ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 chạy đến ngã tư thôn V chở Đ, T đến bãi đất trống cách quốc lộ 1A khoảng 1,6 km, cách chuồng cừ chị Bá Thị Kim Th khoảng 0,5km dừng xe cho Đ, T đi bộ vào trộm cừ được 08 con cừ cái nặng 25 kg/con, dùng dây buộc chân cừ rồi vác cừ ra bãi đất trống, Đ gọi điện thoại cho Tr điều khiển xe ô tô đến cùng Đ, T chở cừ đi bán. Tr gọi điện cho Lê Văn T nói: “Cừ về”, Lê Văn T kêu chở đến nhà Võ Duy T, thỏa thuận mua 08 con cừ với giá 10.000.000 đồng, Tr, Đ, Nguyễn Văn T chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiêu xài chung. Đến sáng, Võ Duy T mang số cừ trên làm thịt bán, thu lợi được 1.300.000 đồng, chia cho T 650.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 08 con cừ cái nặng 25 kg/01 con bị thiệt hại là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Lần thứ tư: Khoảng 22 giờ ngày 28/6/2019, Đ, Báo Văn D và Tr thống nhất đi trộm cắp cừ. Đ điều khiển xe máy loại Wave màu đen-xám biển kiểm soát 85R8-0877 của Đ chở D đi đến chuồng cừ ở thôn B, xã D, huyện T của ông Châu L ở thôn Th, xã H, huyện Ph, khi đi D mang theo 01 cái kìm màu đỏ đen dài 20 cm dùng cắt lưới B40 vào chuồng cừ bắt trộm được 04 con cừ cái nặng 25 kg/con, cùng Đ vác cừ ra đường, Đ gọi điện thoại cho Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 85A-011.04 đến cùng D chở cừ đi bán. Đ điện thoại cho Kiều Tân Tr mua cừ, Tr đồng ý, Tr điều khiển xe chở cừ đến nhà Tr, không cần ký hai bên thỏa thuận giá mua bán 04 con cừ là 5.500.000 đồng; Tr, Đ, D chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiêu xài chung. Kiều Tân Tr làm thịt số cừ trên rồi bán lẻ, thu lợi được 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 04 con cừ cái nặng 25 kg/01 con bị thiệt hại là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Lần thứ năm: Khoảng 23 giờ ngày 29/6/2019, Tr điều khiển xe ô tô Toyota Vios biển kiểm soát 85A-011.04 đến thôn V chợ Đ, D và T đi bắt trộm cừ. D chỉ, dẫn đường vào khu vực rẫy gần chùa Trà Cang thuộc thôn V 3, xã N, huyện T. Khi đến trước rẫy chăn nuôi cừ của ông Thọ Văn Th, Tr dừng xe chờ, D cầm theo 01 cái kìm màu đỏ đen dài 20 cm rồi cùng Đ, T chui qua cổng rào lưới B40, đi đến chuồng cừ, D dùng kìm cắt lưới B40 bên hông chuồng, vào bắt trộm được 05 con cừ cái nặng 25 kg/01 con, 01 con cừ cái nặng 20 kg và 01 con gà trống nặng 02 kg, dùng dây ni lon cột chân cừ, cả ba vác cừ ra xe ô tô; Đ gọi điện cho Kiều Tân Tr nói: “Lát nữa chở cừ vô bán”, Tr đồng ý mua, Tr điều khiển xe ô tô chở cả nhóm và số cừ trộm được đến khu vực thị trấn D, huyện Ph thì D và T xuống xe, còn Tr, Đ chở số cừ trộm được đến nhà Tr, không cân ký hai bên thỏa thuận mua bán là 8.000.000 đồng; Tr, Đ, D, T chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiêu xài chung, riêng con gà trộm được T và D mang về nhà D thịt ăn. Kiều Tân Tr làm thịt số cừ trên rồi bán lẻ, thu lời được 1.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 05 con cừ cái nặng 25kg/01con, 01 con cừ cái nặng 20kg/1con và 01 con gà trống nặng 02 kg bị thiệt hại là 11.840.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Khoảng 22 giờ ngày 01/7/2019, Tr điều khiển ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 đến xã N chợ Đ, T, Th đi trộm cừ, Đ chỉ đường cho Tr điều khiển xe ô tô đến khu vực Suối Mát thuộc Thôn 3, xã H, huyện T vào rẫy của anh Đạt Trung D ở thôn V 2, xã N, huyện T. Khi đến nơi Tr dừng xe ô tô ngoài đường chờ, Đ, T, Th vào chuồng bắt trộm được 10 con cừ cái nặng 25 kg/01 con, dùng dây vải buộc chân cừ vác ra bỏ lên xe ô tô chở đi bán. Đ điện thoại cho Kiều Tân Tr nói: “Lát chở cừ vô bán”, Tr đồng ý mua. Cả nhóm chở số cừ trộm được đến nhà Tr, không cân ký hai bên thỏa thuận mua bán với giá 13.000.000 đồng, Tr đưa tiền trước 10.000.000 đồng cho Tr. Tr, Đ, T, Th chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng chi tiêu chung, hôm sau Đ đến nhà Tr lấy 3.000.000 đồng còn lại chia cho Tr 1.000.000 đồng, T và Th mỗi người 500.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài chung hết. Kiều Tân Tr làm thịt số cừ trên rồi bán lẻ, thu lời được 2.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 10 con cừ cái nặng 25 kg/01 con bị thiệt hại là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Lần thứ bảy: Khoảng 19 giờ ngày 06/7/2019, Nguyễn Văn T gọi điện thoại rủ Tr, D và Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 19/10/2003 (*Dưới 16 tuổi*) cùng đi trộm cừ. Tr điều khiển xe ô tô Toyota Vios biển kiểm soát 85A-011.04 chở T, D

và Nh, T chỉ đường cho Tr điều khiển xe vào khu vực rẫy chăn nuôi cừu tại chân núi thôn Q 1, xã M, huyện T của ông Sử Trung Đ ở thôn V 3, xã N, huyện T. Khi cách chuồng cừu khoảng 800 mét, Tr dừng xe chờ, D, T, Nh đi bộ vào chuồng cừu của ông Đ cả 03 bắt trộm được 04 con cừu cái nặng khoảng 30 kg/01 con và 01 con cừu đực giống nặng khoảng 40 kg, dùng dây nylon cột chân cừu vác ra xe ô tô, Tr điều khiển xe chở về ngã tư thôn V thì D, Nh xuống xe, Tr gọi điện thoại cho Lê Văn T kêu bán cừu, Lê Văn T nói chở cừu đến nhà T bán 05 con cừu giá 6.500.000 đồng; Tr, D, Nguyễn Văn T, Nh chia nhau mỗi người 1.300.000 đồng, còn 1.300.000 đồng tiêu xài chung. Đến sáng, Võ Duy T mang số cừu trên làm thịt bán, thu lợi được 1.000.000 đồng, chia cho T 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 04 con cừu cái nặng 30 kg/01 con và 01 con cừu đực giống nặng 40 kg bị thiệt hại là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần thứ tám: Khoảng 08 giờ ngày 08/7/2019, Kiều Văn T gọi điện thoại cho Đ nói có chỗ trộm cừu, rủ Đ đi, Đ đồng ý và qua nhà Tr kêu Tr thuê xe ô tô để chở cừu trộm được. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy biển kiểm soát 85R7-8737 của T chở Đ đến khu vực thôn B, xã D, huyện T đi vào đường mỏ đá An Khánh khoảng 01km, thấy bầy cừu của ông Trần Văn T ở thôn L, xã N, huyện T đang ăn trong rừng tràm bên phải đường (Thuộc rừng Cà Ti) không có người trông coi, cả hai dừng xe vào bắt trộm được 05 con cừu cái nặng 25kg/01con, buộc chân dẫu trong bụi cây. Đ gọi điện thoại và chỉ đường cho Tr điều khiển xe ô tô Toyota Vios biển kiểm soát 85A-011.04 đến chở cừu cùng Đ đi bán. Tr điện thoại cho Lê Văn T kêu có cừu bán, T kêu chở cừu đến bán cho T giá 7.000.000 đồng, Tr, Đ, T chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiêu xài chung hết. Võ Duy T mang số cừu trên làm thịt bán lẻ, thu lợi được 1.000.000 đồng, chia cho T 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 05 con cừu cái nặng 25 kg/01 con bị thiệt hại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Lần thứ chín: Khoảng 00 giờ ngày 10/7/2019, Tr điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 85A-018.56 đến nhà D chở D và T đi trộm 04 con cừu cái nặng 30 kg/01 con và 01 con cừu cái nặng 15 kg cừu của ông Đỗ Văn T ở thôn Q 1, xã M, huyện T, Tr gọi điện cho Lê Văn T nói “Có cừu nè”, Lê Văn T kêu Tr chở cừu đến nhà T ở Khu phố 14, thị trấn D, huyện Ph hai bên thỏa thuận giá mua bán là 6.500.000 đồng. Tr, Nguyễn Văn T và D chia nhau mỗi người 1.700.000 đồng, còn 1.400.000 đồng tiêu xài chung. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Lê Văn T gọi điện thoại cho Võ Duy T đến chở số cừu trên làm thịt bán lẻ, T bán thu lợi được 1.000.000 đồng, chia cho T 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 04 con cừu cái nặng 30 kg/01 con và 01 con cừu cái nặng 15 kg bị thiệt hại là 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ mười: Khoảng 23 giờ ngày 11/7/2019, Tr điều khiển xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 chạy đến chở Nguyễn Văn T, Th đi trộm cừ, Th chỉ đường cho Tr đến chuồng cừ của bà Nguyễn Thị N ở thôn Q 1, xã M, huyện T bắt trộm 04 con cừ cái nặng 25kg/01 chở đến nhà Lê Văn T bán được 5.500.000 đồng; Tr, Th và Nguyễn Văn T chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiêu xài chung. Sáng ngày 12/7/2019, Lê Văn T gọi điện thoại cho Võ Duy T đến chở số cừ trên làm thịt bán lẻ, T bán thu lợi được 800.000 đồng, chia cho T 400.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 04 con cừ cái trọng lượng 25kg/01 con bị thiệt hại là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Lần thứ mười một: Khoảng 19 giờ cùng ngày 14/7/2019, Đ và Châu Văn Th ngồi nhậu chung tại xã N, huyện T, Đ điện thoại kêu Tr thuê xe ô tô đi trộm cắp cừ, điện thoại rủ Nguyễn Văn T cùng đi. Tr điều khiển xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 đến ngã ba xã N, huyện T gọi Đ, Th, T đi. Lúc này Đ, Th, T đi xe máy loại Wave màu đen-xám biển kiểm soát 85R8-0877 của Đ tìm cừ để trộm cắp, Tr điều khiển xe ô tô ra thị trấn D, huyện Ph ăn tối, khi nào nhóm Đ trộm được cừ sẽ gọi đến chở, khi đến ngã tư thôn V, xã N, huyện T gặp Bạch Tuấn Th nên Tr rủ Th cùng đi. Khoảng 22 giờ cùng ngày, cả nhóm gặp nhau tại ngã ba xã N, huyện T, do không tìm được chuồng cừ để trộm nên Đ rủ cả nhóm lên Suối Mát (Thôn 3, xã H, huyện T) trộm cừ của anh Kiều Quốc S, cả nhóm đồng ý. Tr điều khiển xe ô tô chở cả nhóm theo Tỉnh lộ 709 đến đường vào hồ Sông Biêu rẽ vào đường mòn đến trước rẫy của anh Kiều Quốc S, Tr dừng xe đứng ngoài chờ, Đ, T, Th, Th vào chuồng trộm được 06 con cừ cái nặng 25kg/01 con buộc chân, vác ra xe ô tô chở đi bán. Trên đường về, Đ gọi điện thoại cho Kiều Tân Tr nói “Có cừ bán nè”, Tr đồng ý mua, Tr điều khiển xe ô tô chở cừ đến nhà Trg, không cân ký hai bên thỏa thuận mua bán với giá 9.000.000 đồng. Tr, Đ, T, Th, Th chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng tiêu xài chung. Tr làm thịt số cừ trên rồi bán lẻ, thu lợi được 1.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 06 con cừ cái trọng lượng 25kg/01 con bị thiệt hại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Lần thứ mười hai: Chiều tối ngày 20/7/2019, Tr thuê xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 đến chở Đ, T đi trộm cừ, trên đường đi cả nhóm rủ Báo Văn D cùng đi, T chỉ đường cho Tr điều khiển xe đến chuồng cừ của anh Huỳnh A ở thôn Th, xã D, huyện T. Đ, T, D vào chuồng bắt trộm 14 con cừ cái trọng lượng 25kg/01 con vác ra đường bê tông rồi gọi điện thoại cho Tr chở cừ đi bán. Trên đường đi, Đ gọi điện thoại cho Kiều Tân Tr nói có cừ bán, Tr điều khiển xe ô tô chở cả nhóm và số cừ trộm được đến nhà Tr, lúc này Tr đi Thành Phố Hồ Chí Minh, giao cho Nguyễn Minh Th sinh năm 1987 ở Khu phố 8, thị trấn D, huyện Ph - là cháu rể của Tr trông coi nhà, Th gọi điện báo cho Tr biết về số lượng, đặc điểm cừ, Tr đồng ý mua và nói giá là 20.000.000 đồng, nhóm Tr đồng

ý bán, Tr trả trước 10.000.000 đồng, gần trưa hôm sau trả tiếp 10.000.000 đồng. Sau đó cả nhóm đi ăn tối rồi quay lại chuồng cừu của ông A bắt trộm tiếp 06 con cừu cái trọng lượng 25kg/01 con, Tr chở Đ, T, D đến thôn S, xã H lấy xe máy đi về rồi Tr gọi điện thoại cho Lê Văn T bán cừu, Lê Văn T kêu Tr chở cừu đến nhà Lê Văn T, Tr và Lê Văn T thỏa thuận giá mua bán cừu là 8.000.000 đồng. Số tiền bán cừu Tr chia cho Đ, T, D mỗi người 4.800.000 đồng còn lại 13.600.000 đồng Tr, tất cả đã tiêu xài hết. Tr làm thịt 14 con cừu bán lẻ, thu lợi được 2.800.000 đồng, sáng ngày 21/7/2019 Lê Văn T gọi điện thoại cho Võ Duy T đến chở số cừu trên làm thịt bán, T bán thu lợi được 1.200.000 đồng, chia cho T 600.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 20 con cừu cái trọng lượng 25kg/01 con bị thiệt hại là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Lần thứ mười ba: Khoảng 10 giờ một ngày cuối tháng 7/2019, Tr, Đ và H xuống cà phê tại thị trấn D, cả nhóm rủ nhau đi bắt trộm dê, cừu. Tr điều khiển xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 điều khiển chở Đ, H đi trộm. Cả nhóm đi trên tỉnh lộ 701 (Đường quốc phòng) hướng A - D, khi qua Mũi Dinh khoảng 02km, thấy bầy dê của anh Phan Văn S ở thôn S 2, xã D, huyện T đang chăn thả đi trên tỉnh lộ 701, Tr dừng xe, Đ và H xuống xe đuổi bắt trộm được 02 con dê cái nặng 30 kg/1 con, dùng dây ni lon mang theo buộc chân dê đưa lên xe ô tô chở đi bán. Đ gọi điện thoại cho Nãi Ngọc Ch kêu bán dê, Ch đồng ý mua, 02 bên hẹn nhau ra tỉnh lộ 703 ở thị trấn D, huyện Ph để mua bán dê trộm được. Ch điều khiển xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 85R9-1712 đến điểm hẹn, biết rõ 02 dê do trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng; Tr, Đ, H chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiêu xài chung. Ch đem bán 02 con dê trên cho anh Nãi Ngọc Ana D sinh năm 1981 trú V 3, xã N, huyện T anh D không biết nên thu mua của Ch, Ch thu lợi được 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 02 con dê cái trọng lượng 30kg/01 con bị thiệt hại là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ mười bốn: Khoảng 11 giờ một ngày cuối tháng 7/2019, Đ điện thoại rủ T, Tr đi bắt trộm dê, cừu. Tr điều khiển xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 chở Đ, T đi trên tỉnh lộ 701 hướng A đi D, khi qua Mũi Dinh khoảng 02 km, thấy bầy dê của anh Phan Văn S chăn thả đi trên tỉnh lộ 701, Tr dừng xe, Đ và T xuống xe đuổi bắt được 02 con dê cái nặng 30 kg/1 con. Đ gọi điện thoại cho Nãi Ngọc Ch kêu bán dê, hai bên hẹn nhau ra tỉnh lộ 703 đoạn gần cầu sông Quao ở Thị trấn D, huyện Ph; Ch điều khiển xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 85R9-1712 đến biết rõ dê do trộm cắp mà có nhưng hám lợi nên đồng ý mua với giá 3.850.000 đồng; lấy tiền Tr, Đ, T chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, còn 850.000 đồng chi tiêu chung hết. Ch đem bán 02 con dê trên cho anh

Não Ngọc Ana D, anh D không biết nên thu mua của Ch, Ch thu lợi được 150.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 02 con dê cái trọng lượng 30kg/01 con bị thiệt hại là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ mười lăm: Khoảng 13 giờ ngày 05/8/2019, Tr điều khiển xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 chở Đ, V đến khu vực hồ Bầu Ngừ thấy có bầy cừu của anh Kiều Minh Đ ở thôn V 2, xã N, huyện T thả ăn bên đường, không có người trông coi nên Tr dừng xe, Đ và V xuống đuổi bắt được 02 con cừu cái nặng 25kg/1 con, dùng dây ni lon mang theo buộc chân cừu đưa lên xe ô tô chở đi bán. Trên đường đi, Đ gọi điện thoại cho Não Ngọc Ch kêu bán cừu, hai bên hẹn nhau ra đến quốc lộ 1A đoạn cổng làng thôn B, thị trấn D, huyện Ph. Ch điều khiển xe máy hiệu Sirius biển kiểm soát 85R9-1712 đến thỏa thuận mua với giá 3.000.000 đồng. Tr, Đ, V chia nhau mỗi người 700.000 đồng, còn 900.000 đồng tiêu xài chung. Ch đem cừu đến lò mổ làm thịt 02 con rồi bán lẻ, thu lợi được 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 02 con cừu cái trọng lượng 25kg/01 con bị thiệt hại là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ mười sáu: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/8/2019, Nguyễn Văn V đang làm cá hấp tại thôn L 3, xã C, huyện T thấy bầy dê của ông Trịnh Văn Ch ở cùng thôn thả ăn ở khu vực nghĩa trang, không có người trông coi nên V đến bắt trộm được 01 con dê cái nặng 30 kg, dùng dây ni lon nhét gần đó buộc chân, miệng dê lại đem giấu. Sau đó V gọi điện thoại báo cho Đ, Đ và Tr thuê xe ô tô Toyota Inova J biển kiểm soát 85A-018.56 chạy vào đưa dê trộm được đi bán. Đ gọi điện thoại cho Kiều Tân Tr mua dê, lúc này Tr không có nhà nên Tr điện thoại kêu Nguyễn Minh Th (Cháu rể của Tr) làm thuê cho Tr, ra quốc lộ 1A trước cây xăng gần cổng làng Bình Quý để mua 01 con dê với giá 1.500.000 đồng, đưa về làm thịt cho Tr bán lẻ, thu lợi được 200.000 đồng. Tr, Đ, V chia nhau mỗi người 500.000 đồng tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 01 con dê cái trọng lượng 30kg bị thiệt hại là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSTN ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố các bị cáo Thiên Sanh Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Não Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Lê Văn T (Đen) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Kiều Tân Tr, Võ

Duy T, Nỗ Ngọc Ch về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Thiên Sanh Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Tr từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù giam.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nỗ Phước Tài Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Đ từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù giam.

3. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo T từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù giam.

4. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Báo Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo D từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù giam.

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (Đen) phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù giam.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Bạch Tuấn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; và xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Trung H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù giam.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo V từ 09 tháng đến 01 năm tù giam.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Báo Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù giam.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Thành V phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo V từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù giam.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Châu Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Th từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

13. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Tân Tr phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và xử phạt bị cáo Tr từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (Khấu trừ 02 tháng 03 ngày tạm giam bằng 06 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ).

Áp dụng khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Kiều Tân Tr số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

14. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Duy T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và xử phạt bị cáo T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (Khấu trừ 02 tháng 03 ngày tạm giam bằng 06 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ).

Áp dụng khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Võ Duy T số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Kiều Tân Tr, Võ Duy T cho UBND thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

15. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nỗ Ngọc Ch phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và xử phạt bị cáo Ch từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nỗ Ngọc Ch số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nỗ Ngọc Ch cho UBND xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Biện pháp tư pháp:

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng các Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước phương tiện dùng để phạm tội: 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, biển kiểm soát 85R7-8737, số khung: VDGWCHO13DG-026705, số máy: VD61P52F-026705 có kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 85R7-8737.

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 03 (Ba) cuộn băng keo màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) cuộn dây nilon màu đỏ; 01 (Một) cuộn dây nilon màu đỏ

gồm nhiều đoạn dây buộc lại với nhau; 01 (Một) cuộn dây nylon màu xanh dài 1,1m; 01 (Một) giỏ sắt hình chữ nhật kích thước (01 x 0,63 x 0,21)m, trên giỏ buộc 02 sợi dây dù màu trắng dài lần lượt là 1,1m và 1,3m, 01 sợi dây dù màu xanh dài 02m và 02 sợi dây nylon màu xanh.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường dân sự cho các bị hại.

Các bị cáo Lê Văn T, Võ Duy T, Kiều Tân Tr, Nãi Ngọc Ch nộp lại số tiền thu lợi bất chính để tịch thu, sung quỹ Nhà nước, cụ thể: Lê Văn T nộp 4.250.000 đồng, Võ Duy T nộp 4.250.000 đồng, Kiều Tân Tr nộp 8.200.000 đồng, Nãi Ngọc Ch nộp 750.000 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng do Nãi Ngọc Ch nộp; số tiền 8.400.000 đồng do Kiều Tân Tr nộp; số tiền 4.450.000 đồng do Võ Duy T nộp; số tiền 4.250.000 đồng do vợ bị cáo Lê Văn T nộp để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Kiều Tân Tr trình bày lời bào chữa: Nhất trí với bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Kiều Tân Tr về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Tr có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Tr được hưởng mức án cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng: Tại phiên tòa, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019 các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nãi Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D, Lê Văn T (Đen), Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút thực hiện 16 lần trộm cắp tài sản, với tổng số 91 con cừu, dê của 13 người dân trên địa bàn huyện T, tỉnh Ninh Thuận cụ thể như sau: Trộm cắp của anh Kiều Văn S 06 (Sáu) con cừu cái nái trọng lượng khoảng 25kg/con có giá trị là 12.000.000 đồng và 03 (Ba) con cừu cái nái trọng lượng khoảng 25kg/con có giá trị là 5.625.000

đồng; Trộm cắp của chị Bá Thị Kim Th 08 (Tám) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 15.000.000 đồng, 02 (Hai) con cừ đực trọng lượng 20kg/con có giá trị là 4.400.000 đồng và 06 (Sáu) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 11.250.000 đồng; Trộm cắp của anh Châu L 04 (Bốn) con cừ cái nái trọng lượng khoảng 25kg/con có giá trị là 8.000.000 đồng; Trộm cắp của anh Thọ Văn Th 01 (Một) con cừ cái trọng lượng 20kg/con có giá trị là 1.600.000 đồng, 05 (Năm) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 10.000.000 đồng và 01 (Một) con gà trọng lượng 02kg có giá trị là 240.000 đồng; Trộm cắp của anh Đạt Trung D 10 (Mười) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 20.000.000 đồng; Trộm cắp của anh Sử Trung Đ 04 (Bốn) con cừ cái trọng lượng 30kg/con có giá trị là 14.200.000 đồng; Trộm cắp của anh Trần Văn T 05 (Năm) con cừ cái nái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 10.000.000 đồng; Trộm cắp của anh Đỗ Văn T 04 (Bốn) con cừ cái trọng lượng 30kg/con có giá trị là 10.800.000 đồng; Trộm cắp của bà Nguyễn Thị N 04 (Bốn) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 8.000.000 đồng; Trộm cắp của anh Huỳnh A 20 (Hai mươi) con cừ cái trọng lượng 25kg/con có giá trị là 40.000.000 đồng; Trộm cắp của anh Phan Văn S 02 (Hai) con dê cái nái trọng lượng khoảng 30kg/con có giá trị là 4.500.000 đồng và 02 (Hai) con dê cái nái trọng lượng khoảng 30kg/con có giá trị là 4.500.000 đồng; Trộm cắp của anh Kiều Minh Đ 02 (Hai) con cừ cái nái trọng lượng khoảng 25kg/con có giá trị là 3.750.000 đồng; Trộm cắp của anh Trịnh Văn Ch 01 (Một) con dê cái nái trọng lượng khoảng 30kg/con có giá trị là 2.400.000 đồng; (Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019 và số: 26/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019; số: 16/KL-HĐĐG và số: 17/KL-HĐĐG cùng ngày 11/8/2019; số: 24/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019; số: 14/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019; số: 18/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019; số: 12/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019; số: 25/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019; số: 13/KL-HĐĐG ngày 09/8/2019; số: 15/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019; số: 19/KL-HĐĐG ngày 11/8/2019; số: 22/KL-HĐĐG và số: 23/KL-HĐĐG cùng ngày 16/9/2019; số: 21/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019; số: 20/KL-HĐĐG ngày 16/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T). Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 186.265.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Mặc dù biết rõ tài sản trên là do các bị cáo trộm cắp mà có, nhưng vì mục đích hám lợi nên các bị cáo Kiều Tân Tr, Võ Duy T, Nãi Ngọc Ch đã nhiều lần tiêu thụ tài sản và thu lợi bất chính tổng cộng là 13.100.000đ (*Mười ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, xét vai trò của từng bị cáo được đánh giá như sau:

Đối với bị cáo Thiên Sanh Tr là người chủ mưu, thực hành tích cực nhất, với vai trò là người đi thuê xe, điều khiển xe ô tô chở đồng bọn đi trộm cắp tài sản, tìm đầu mối để tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có và tham gia thực hiện 16 lần trộm cắp 91 con cừ, dê, với tổng giá trị là 186.265.000 đồng.

Đối với bị cáo Nãi Phước Tài Đ là người chủ mưu, thực hành tích cực, với vai trò chỉ điểm các nơi có tài sản để cùng đồng bọn trộm cắp, tìm đầu mối để tiêu

thụ tài sản do phạm tội mà có và tham gia thực hiện 13 lần trộm cắp 77 con cừu, dê, với tổng giá trị là 153.265.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người thực hành tích cực, với vai trò chỉ điểm các nơi có tài sản để cùng đồng bọn trộm cắp và tham gia thực hiện 09 lần trộm cắp 66 con cừu, dê, với tổng giá trị là 136.340.000 đồng.

Đối với bị cáo Báo Văn D là người thực hành tích cực, với vai trò chỉ điểm các nơi có tài sản để cùng đồng bọn trộm cắp và tham gia thực hiện 05 lần trộm cắp 40 con cừu, dê, với tổng giá trị là 80.840.000 đồng.

Đối với các bị cáo Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th là những người thực hành, cụ thể: Bị cáo Th tham gia thực hiện 03 lần trộm cắp 20 con cừu, dê, với tổng giá trị là 40.000.000 đồng; bị cáo T tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp 13 con cừu, dê, với tổng giá trị là 25.650.000 đồng; bị cáo H tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp 05 con cừu, dê, với tổng giá trị là 10.125.000 đồng; bị cáo V tham gia thực hiện 02 lần trộm cắp 03 con cừu, dê, với tổng giá trị là 6.150.000 đồng; bị cáo T và bị cáo V tham gia thực hiện 01 lần trộm cắp 08 con cừu, dê, với tổng giá trị là 15.650.000 đồng; bị cáo Th tham gia thực hiện 01 lần trộm cắp 06 con cừu, dê, với tổng giá trị là 12.000.000 đồng. Ngoài những lần trộm cắp tài sản trên, ngày 23/7/2019 và ngày 26/7/2019 bị cáo Th còn tham gia trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Ph và huyện H.

Đối với bị cáo Lê Văn T (Đen) là người có sự hứa hẹn trước sẽ tiêu thụ, thu mua tài sản trộm cắp nên hành vi của bị cáo là hành vi của một đồng phạm với tội trộm cắp tài sản, với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Thiên Sanh Tr tiêu thụ tài sản do bị cáo Tr cùng đồng bọn phạm tội mà có. Bị cáo tham gia giúp sức trong 08 lần trộm cắp 44 con cừu, dê, với tổng giá trị là 91.275.000 đồng và thu lợi bất chính được 4.250.000 đồng.

Đối với các bị cáo Kiều Tân Tr, Nãi Ngọc Ch là những người biết rõ tài sản do bị cáo Thiên Sanh Tr cùng đồng bọn trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên mua, cụ thể: Bị cáo Tr thực hiện 06 lần thu mua 41 con cừu, dê, với tổng giá trị là 82.240.000 đồng và thu lợi bất chính được 8.200.000 đồng; bị cáo Ch thực hiện 03 lần thu mua 06 con cừu, dê, với tổng giá trị là 12.750.000 đồng và thu lợi bất chính được 750.000 đồng.

Đối với bị cáo Võ Duy T mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ tài sản mà bị cáo Lê Văn T (Đen) giới thiệu mua là do phạm tội mà có, nhưng vì hám lợi nên đã 08 lần tiêu thụ 44 con cừu, dê, với tổng giá trị là 91.275.000 đồng và thu lợi bất chính được 4.250.000 đồng.

Các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nãi Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D có ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm, đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy số tiền có được từ các lần phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó, hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Riêng bị cáo Thiên Sanh Tr chưa được xóa án tích mà lại phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm

Xét thấy hành vi nêu trên của các bị cáo đã trực tiếp và gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Thiên Sanh Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn T (Đen) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Kiều Tân Tr, Võ Duy T, Nỗ Ngọc Ch phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Thiên Sanh Tr, Trương Thành V, Báo Văn T, Nỗ Phước Tài Đ, Châu Văn Th tự nguyện và tác động gia đình bồi thường cho bị hại; các bị cáo Báo Văn T, Trương Thành V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo Võ Duy T, Kiều Tân Tr, Lê Văn T (Đen), Nỗ Ngọc Ch đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại Huỳnh A xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Báo Văn T, Châu Văn Th, Kiều Tân Tr, Võ Duy T, Nỗ Ngọc Ch đều có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D, Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Lê Văn T (Đen), Võ Duy T, Kiều Tân Tr, Nỗ Ngọc Ch đều phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người rủ rê, xúi giục Nguyễn Thành Nh là người dưới 18 tuổi phạm tội (Tính đến ngày thực hiện trộm cắp tài sản (Ngày 06/7/2019) Nh mới 15 tuổi 08 tháng 17 ngày). Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn T (Đen) chưa được xóa án tích mà tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo Lê Văn T (Đen) đang thi hành một bản án 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tại bản án số: 22/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, trong thời gian thử thách bị cáo lại phạm tội mới. Căn cứ khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo Báo Văn D, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V đều có nhân thân xấu, cụ thể:

Bị cáo D: Ngày 15/7/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tuyên phạt 3 năm 6 tháng tù giam về tội cướp tài sản, ngày 18/5/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 29/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2016.

Bị cáo H: Ngày 31/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 18 ngày về tội trộm cắp tài sản. Ngày 31/10/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 22/5/2014.

Bị cáo V: Ngày 23/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, ngày 07/9/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D, Lê Văn T (Đen), Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, rèn luyện bản thân mình thành người tốt sau này.

Đối với các bị cáo Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th, Kiều Tân Tr, Võ Duy T, Nỗ Ngọc Ch không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ để họ có khả năng tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải liên đới bồi thường thiệt hại tài sản theo Kết quả định giá tài sản.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Cụ thể như sau:

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Trung H liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Quốc S số tiền 5.625.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 1.875.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Báo Văn T, Kiều Văn T, Trương Thành V liên đới bồi thường cho bị hại Bá Thị Kim Th số tiền 15.650.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 3.130.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Trương, Nỗ Phước Tài Đạt, Nguyễn Văn Tâm liên đới bồi thường cho bị hại Bá Thị Kim Thành số tiền 15.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 5.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Châu L số tiền 8.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 2.666.666 đồng (Làm tròn số 2.667.000 đồng).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Thọ Văn Th số tiền 11.840.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 2.960.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Đạt Trung D số tiền 20.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 5.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Báo Văn D và ông Nguyễn Văn N (Cha ruột của Nguyễn Thành Nh) liên đới bồi thường cho bị hại Sử Trung Đ số tiền 14.200.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 3.550.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn T số tiền 10.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 3.333.333 đồng (Làm tròn số 3.333.000 đồng).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Đỗ Văn T số tiền 10.800.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 3.600.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 2.666.666 đồng (Làm tròn số 2.667.000 đồng).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Châu Văn Th, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Quốc S số tiền 12.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 2.400.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh A số tiền 40.000.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 10.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Trung H liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn S số tiền 4.500.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 1.500.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn S số tiền 4.500.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 1.500.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn V liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Minh Đ số tiền 3.750.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 1.250.000 đồng.

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Trịnh Văn Ch số tiền 2.400.000 đồng, chia phần cho mỗi người là 800.000 đồng.

Hiện nay các bị cáo Lê Văn T (Đen) nộp 4.250.000 đồng (Do vợ Nguyễn Thị Thu Th nộp thay), Võ Duy T nộp 4.250.000 đồng, Kiều Tân Tr nộp 8.200.000 đồng, Nỗ Ngọc Ch nộp 750.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung quỹ Nhà nước; các bị cáo Thiên Sanh Tr nộp 15.000.000 đồng (Do mẹ Bá Thị Mỹ H nộp thay), Trương Thành V nộp 3.130.000 đồng, Báo Văn T nộp 3.130.000 đồng, Nỗ Phước Tài Đ nộp 15.000.000 đồng (Do vợ Đạt Nữ Phương Th nộp

thay), Châu Văn Th nộp 1.900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam để bồi thường cho bị hại.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, biển kiểm soát 85R7-8737, số khung: VDGWCHO13DG-026705, số máy: VD61P52F-026705 có kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 85R7-8737 và 17.450.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) cuộn băng keo màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) cuộn dây nylon màu đỏ; 01 (Một) cuộn dây nylon màu đỏ gồm nhiều đoạn dây buộc lại với nhau; 01 (Một) cuộn dây nylon màu xanh dài 1,1m; 01 (Một) giỏ sắt hình chữ nhật kích thước (01 x 0,63 x 0,21)m, trên giỏ buộc 02 sợi dây dù màu trắng dài lần lượt là 1,1m và 1,3m, 01 sợi dây dù màu xanh dài 02m và 02 sợi dây nylon màu xanh.

Đối với 02 lần trộm cắp dê, cừu tại xã H, huyện Ph và 01 lần trộm cắp dê tại xã X, huyện H rồi đi tiêu thụ do bị cáo Thiên Sanh Tr cùng đồng bọn thực hiện. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thông tin cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ph và H biết để xử lý theo thẩm quyền là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành Nh, tính đến ngày thực hiện trộm cắp tài sản (Ngày 06/7/2019), Nh mới 15 tuổi 08 tháng 17 ngày, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự, chuyển xử phạt hành chính là đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh Th là cháu rể, người làm thuê cho Kiều Tân Tr, Th có 02 lần phụ giúp Trường mua cừu của nhóm Tr nhưng Th không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với Nãi Ngọc Ana D có hành vi mua dê do Nãi Ngọc Ch bán lại nhưng D không biết tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với cây kim màu đỏ đen dài 20cm mà bị cáo Báo Văn D sử dụng làm công cụ phạm tội, sau khi sử dụng bị cáo D bỏ mất. Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành truy tìm nhưng không truy tìm thấy. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với xe mô tô kiểu dáng Wave màu đen-xám, biển kiểm soát 85R8-0977, số khung: 10101246, số máy: LCE110-A00434890. Cơ quan điều tra Công an huyện T chưa xác minh được nguồn gốc nên tách để xác minh, làm rõ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Thiên Sanh Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2019.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nỗ Phước Tài Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2019.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 25/01/2020.

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Báo Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; khoản 5 Điều 65; Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (Đen) phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 01 (Một) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc", tại bản án số: 22/2018/HS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn T (Đen) phải chấp hành chung cho 02 bản án là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Bạch Tuấn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Trung H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn

Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Báo Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/3/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Thành V phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/3/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Châu Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/3/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Kiều Tân Tr phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, nhưng được tính trừ vào 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày tạm giam bằng 06 (Sáu) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án sơ thẩm. Giao bị cáo Kiều Tân Tr cho Ủy ban nhân Dân thị trấn Phước

Dân, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Kiều Tân Tr.

Căn cứ khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Kiều Tân Tr số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Duy T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, nhưng được tính trừ vào 02 (Hai) tháng 03 (Ba) ngày tạm giam bằng 06 (Sáu) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành 01 (Một) năm 05 (Năm) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án sơ thẩm. Giao bị cáo Võ Duy T cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Ph, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Võ Duy T.

Căn cứ khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Võ Duy T số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nỗ Ngọc Ch phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án sơ thẩm. Giao bị cáo Nỗ Ngọc Ch cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nỗ Ngọc Ch.

Căn cứ khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Nỗ Ngọc Ch số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị hại, cụ thể:

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Trung H liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Quốc S số tiền 5.625.000đ (*Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 1.875.000đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Báo Văn T, Kiều Văn T, Trương Thành V liên đới bồi thường cho bị hại Bá Thị Kim Th số tiền 15.650.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 3.130.000đ (*Ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Bá Thị Kim Th số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Châu L số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 2.667.000đ (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Thọ Văn Th số tiền 11.840.000đ (*Mười một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 2.960.000đ (*Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Đạt Trung D số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Báo Văn D và ông Nguyễn Văn N (Cha ruột của Nguyễn Thành Nh) liên đới bồi thường cho bị hại Sử Trung Đ số tiền 14.200.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 3.550.000đ (*Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 3.333.000đ (*Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Đỗ Văn T số tiền 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nguyễn Văn T, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 2.667.000đ (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Châu Văn Th, Bạch Tuấn Th liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Quốc S số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh A số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), chia phần cho mỗi người là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Kiều Trung H liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn S số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Phan Văn S số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn V liên đới bồi thường cho bị hại Kiều Minh Đ số tiền 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T liên đới bồi thường cho bị hại Trịnh Văn Ch số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), chia phần cho mỗi người là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do bà Bá Thị Mỹ H là mẹ của bị cáo Thiên Sanh Tr nộp thay; tạm giữ số tiền 3.130.000đ (*Ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) do bị cáo Trương Thành V nộp; tạm giữ số tiền 3.130.000đ (*Ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) do bị cáo Báo Văn T nộp; tạm giữ số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) do chị Đạt Nữ Phương Th là vợ của bị cáo Nỗ Phước Tài Đ nộp thay; tạm giữ số tiền 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*) do bị cáo Châu Văn Th nộp (Theo Biên lai thu tiền số: 0003225 ngày 02/12/2019; số: 0003227 ngày 04/12/2019; số: 0003228 ngày 04/12/2019; số: 0003231 ngày 13/12/2019; số: 0003233 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T) để đảm bảo trách nhiệm bồi thường dân sự cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô màu đỏ, biển kiểm soát 85R7-8737, số khung: VDGWCHO13DG-026705, số máy: VD61P52F-026705 có kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 85R7-8737 và số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể: Kiều Tân Tr là 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*); Võ Duy T là 4.250.000đ (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Nỗ Ngọc Ch là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); Lê Văn T (Đen) là 4.250.000đ (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Nỗ Ngọc Ch nộp (Nhưng được trừ vào số tiền bị cáo phải chịu là 750.000 đồng, hoàn lại cho bị cáo 250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0003212 ngày 15/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T); tạm giữ số tiền 4.250.000 đồng do bị cáo Võ

Duy T nộp; tạm giữ số tiền 8.200.000 đồng do bị cáo Kiều Tân Tr nộp; tạm giữ số tiền 4.250.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thu Th là vợ của bị cáo Lê Văn T (Đen) nộp thay (Theo Biên lai thu tiền số: 0003218 ngày 14/11/2019; số: 0003220 ngày 14/11/2019; số: 0003224 ngày 25/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T) là số tiền thu lợi bất chính.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) cuộn băng keo màu đen, đã qua sử dụng; 01 (Một) cuộn dây nylon màu đỏ; 01 (Một) cuộn dây nylon màu đỏ gồm nhiều đoạn dây buộc lại với nhau; 01 (Một) cuộn dây nylon màu xanh dài 1,1m; 01 (Một) giỏ sắt hình chữ nhật kích thước (01 x 0,63 x 0,21)m, trên giỏ buộc 02 sợi dây dù màu trắng dài lần lượt là 1,1m và 1,3m, 01 sợi dây dù màu xanh dài 02m và 02 sợi dây nylon màu xanh (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/12/2019 tại Công an huyện T giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và Công an huyện T).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr, Nỗ Phước Tài Đ, Nguyễn Văn T, Báo Văn D, Lê Văn T (Đen), Bạch Tuấn Th, Kiều Văn T, Kiều Trung H, Nguyễn Văn V, Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th, Kiều Tân Tr, Võ Duy T, Nỗ Ngọc Ch mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Thiên Sanh Tr phải chịu 8.563.250đ (*Tám triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng*), Nỗ Phước Tài Đ phải chịu 6.913.250đ (*Sáu triệu chín trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi đồng*), Nguyễn Văn T phải chịu 6.817.000đ (*Sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng*), Báo Văn D phải chịu 4.042.000đ (*Bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), Bạch Tuấn Th phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), Kiều Văn T phải chịu 1.282.500đ (*Một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng*), Kiều Trung H phải chịu 506.250đ (*Năm trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), Nguyễn Văn V phải chịu 307.500đ (*Ba trăm lẻ bảy nghìn năm trăm*), Báo Văn T phải chịu 626.000đ (*Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), Trương Thành V phải chịu 626.000đ (*Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), Châu Văn Th phải chịu 505.000đ (*Năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) và anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/3/2020). Bị hại và người đại diện hợp pháp của người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Báo Văn T, Trương Thành V, Châu Văn Th)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Cơ quan điều tra CA huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA huyện T;
- CC T.H.A dân sự huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến